TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2025/LĐ-ST
Ngày: 20-5-2025
V/v Tranh chấp về bảo hiểm xã hội

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hải Quỳnh Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc Dưỡng;

2. Ông Phạm Thế Hùng.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc B – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 225/2024/TLST-LĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2417/2025/QĐXXST-LĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 3512/2025/QĐST-LĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T

Địa chỉ thường trú: Tổ I, ấp D, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện hợp pháp: Bà Dương Thị T1, ông Vũ Ngọc H - Cùng địa chỉ liên hệ: Số A đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có đề nghị vắng mặt)

- Bị đơn: Công ty TNHH I

Địa chỉ: P, Lầu E, Tòa nhà S, Số A P, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp*:* Ông Lê Minh N – Địa chỉ liên hệ: Số D đường N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày tại Đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2024 từ tháng 7/2019, bà T được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty TNHH I (từ đây viết là "Công ty"). Quá trình làm việc tại Công ty, giữa bà T và Công ty có ký kết hợp đồng lao

động xác định thời hạn nhưng Công ty không giao cho bà T 01 bản hợp đồng theo quy định. Sau khi kết thúc thời hạn hợp đồng thì bà T vẫn tiếp tục làm việc tại Công ty dù 02 bên không giao kết hợp đồng lao động khác nên bà T được xem như là loại lao động không xác định thời hạn. Công việc của bà T tại Công ty là công nhân mẫu, mức lương đóng bảo hiểm xã hội trước khi nghỉ việc là 6.249.000đồng/tháng. Ngày 14/7/2023, căn cứ vào thỏa thuận chấm dứt hợp đồng với bà T, Công ty đã ban hành Quyết định thôi việc số 00404/QĐTV cho bà T nghỉ việc kể từ ngày 14/7/2023. Quá trình làm việc, Công ty đều trừ tiền lương của bà T để đóng bảo hiểm xã hội 8%, bảo hiểm y tế 1,5%, bảo hiểm thất nghiệp 1%. Sau khi bà T nghỉ việc thì Công ty có giao cho bà T phiếu hẹn ngày 09/3/2024 đến chi nhánh Công ty ở Bình Thuận để nhận tờ rời bảo hiểm xã hội nhưng đến ngày hẹn thì Công ty không giải quyết. Ngày 12/3/2024 bà T đến Bảo hiểm xã hội huyện X để kiểm tra quá trình tham gia bảo hiểm xã hội thì biết Công ty chỉ đóng bảo hiểm xã hội cho bà T đến hết tháng 9/2021, từ tháng 10/2021 đến tháng 6/2023 Công ty chỉ đóng bảo hiểm thất nghiệp, chưa đóng bảo hiểm xã hội và chưa xác nhận hết quá trình tham gia bảo hiểm xã hội cho bà T theo quy định pháp luật. Bà T đã nhiều lần liên hệ Công ty yêu cầu Công ty đóng BHXH và xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm cho bà T nhưng Công ty không giải quyết. Nhận thấy việc Công ty hàng tháng đều trừ tiền lương của bà T để tham gia bảo hiểm xã hội nhưng không đóng cho cơ quan bảo hiểm xã hội, không xác nhận hết thời gian tham gia bảo hiểm xã hội cho bà T là không đúng quy định của pháp luật, làm cho quyền lợi của bà T bị ảnh hưởng. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty phải đóng bảo hiểm xã hội cho bà T từ tháng 10/2021 đến tháng 06/2023 (21 tháng) và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm cho bà T theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện; bị đơn Công ty có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Minh N nhưng ông N không trình bày ý kiến và tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 20/5/2025, các đương sự vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, tống đạt và thông báo văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật; về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn**.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện Công ty TNHH I yêu cầu truy đóng tiền bảo hiểm xã hội và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội".

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH I có trụ sở tại thành phố T. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đề nghị vắng mặt tại phiên tòa, ông N đã được Toà án tống đạt hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Bà T khởi kiện Công ty TNHH I, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không trình bày ý kiến và tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà T. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ do bà T giao nộp để xem xét yêu cầu khởi kiện của bà T.

[2.2] Bà T trình bày bà T giao kết hợp đồng lao động với Công ty vào tháng 7/2019 nhưng không cung cấp cho Tòa án hợp đồng lao động. Tuy nhiên Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7510156184 của bà T ghi nhận quá trình đóng bảo hiểm xã hội của bà T khi là công nhân may tại chi nhánh Đ - Công ty bắt đầu từ tháng 7/2019. Như vậy có cơ sở xác định bà T là người lao động tại Công ty từ tháng 7/2019; ngoài ra Quyết định thôi việc số 00404/QĐTV ngày 14/7/2023 ghi "*Điều 1: Đồng ý cho nhân viên: Ông (Bà) Nguyễn Thị T.... Nghỉ việc kể từ ngày 14/7/2023*". Do đó, căn cứ Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 214, bà T và Công ty có trách nhiệm cùng nhau thực hiện nghĩa vụ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà T tại cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền trong thời gian bà T lao động tại Công ty.

[2.3] Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty phải đóng bảo hiểm xã hội cho bà T từ tháng 10/2021 đến tháng 06/2023 (21 tháng) và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm cho bà T theo quy định pháp luật. Đối chiếu yêu cầu của bà T với xác nhận của Bảo hiểm xã hội huyện X, tỉnh Đồng Nai tại công văn số 46/BHXH ngày 25/02/2025 "*Công ty TNHH I đã: Đóng bảo hiểm xã hội đủ và thực hiện xác nhận quá trình cho bà T từ tháng 06/2019-09/2021. Không đóng bảo hiểm xã hội cho bà T từ tháng 10/2021-06/2023. Đóng bảo hiểm y tế đủ cho bà T từ tháng 06/2019-06/2023. Đóng bảo hiểm thất nghiệp đủ và thực hiện xác nhận quá trình cho bà T từ tháng 06/2019-06/2023*". Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu yêu cầu khởi kiện của bà T.

[3] Về án phí lao động sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện của bà T được Hội đồng xét xử chấp nhận nên Công ty phải chịu án phí.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức được Hội đồng xét xử chấp nhận như nhận định trên

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92 và Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014;
- Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, năm 2022.
- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T: Buộc Công ty TNHH I có trách nhiệm đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị T từ tháng 10/2021 đến tháng 06/2023 theo mã số bảo hiểm xã hội 7510156184, mức đóng và số tiền phải đóng được thực hiện theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội và phải thực hiện xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH I phải chịu tiền án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Nguyễn Thị T, Công ty TNHH I được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Thủ Đức;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lưu Hải Quỳnh Anh